

Bản án số: 72/2017/HSPT
Ngày 30 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 82/2017/HSPT ngày 10 tháng 10 năm 2017, đối với bị cáo Mai Văn T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Mai Văn T**, sinh năm 1977 tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 19, ấp 16, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nuôi tôm; trình độ văn hóa: 9/12; cha là Mai Văn T, sinh năm 1936 (chết) và mẹ là Mai Thị N, sinh năm 1939 (chết); có vợ tên Vũ Thị T, sinh năm 1977 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995 và nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017 cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Sơn H**, sinh năm 1986 tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh S; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Khmer; cha là Trần Sơn T, sinh năm 1945 và mẹ là Lý Thị C, sinh năm 1953. Năm 2010, chung sống như vợ chồng với Thạch Thị Đ, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/03/2017 cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

3. Họ và tên: **Bùi Hoàng D**, sinh năm 1981 tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 17/88, đường H, Khu X, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh dịch vụ cầm đồ; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Bùi Quang T, sinh năm 1948 và mẹ là Quách Thị M, sinh năm 1952; có vợ tên Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1986 và có 01 người con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 25/02/2008, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng, đã chấp hành xong và được xóa án tích; bị cáo bị tạm giữ ngày 16/12/2016 đến ngày 23/12/2016 khởi tố bị can và cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

4. Họ và tên: **Ngô Văn L**, sinh năm 1971 tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nuôi tôm; trình độ văn hóa: 7/12; cha là Ngô Văn G, sinh năm 1936 và mẹ là Bùi Thị C, sinh năm 1936 (chết); có vợ tên Vũ Thị N, sinh năm 1974 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 15/9/2015, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*” chưa chấp hành xong hình phạt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/03/2017 cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1971 tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã K, huyện M, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Nuôi tôm, trình độ văn hóa: 7/12; cha là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1940 và mẹ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1941; có vợ tên Vũ Thị H, sinh năm 1970 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017 cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

6. Họ và tên: **Phạm Văn E**, sinh năm 1984 tại Hải Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện M, tỉnh Hải Dương; chỗ ở khi xét xử sơ thẩm: Ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Nhà không số, Khóm 5, phường B, thị xã K, tỉnh Đồng Nai, nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Phạm Văn M, sinh năm 1951 và mẹ là Đặng Thị M, sinh năm 1950; có vợ tên Lê Thị L, sinh năm 1990 (đã ly hôn từ tháng 7/2016) và có 01 người con sinh năm 2013; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017 cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm, (có mặt).

7. Họ và tên: **Phạm Văn A**, sinh năm 1989 tại Nam Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, thị trấn G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Số 99, đường C, Khóm X, Phường I, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp:

Nuôi tôm; trình độ văn hóa: 12/12; cha là Phạm Văn L, sinh năm 1970 và mẹ là Vũ Thị N, sinh năm 1971; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; tiền sự, tiền án: Không; bị cáo được cho tại ngoại điều tra với biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T: Bà Tạ Nguyệt Thanh, là Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Ngoài ra còn có các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập:

1. Trần Quốc N, sinh năm 1988 tại Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Ấp Đ, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Liêu Minh C (tên gọi khác: Vàng), sinh năm 1989 tại Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà X, ấp Đ, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ông Trần Văn B, sinh năm 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Ấp Đ, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN THẤY:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 14/12/2016, tại chòi vuông tôm của Ngô Văn Đ tại ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu, các bị cáo Mai Văn T, Ngô Văn L, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Trần Quốc N, Phạm Văn A và các đối tượng Đ, H, B (chưa xác định nhân thân) và Đỗ Văn Y tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền.

Để tạo điều kiện cho việc đánh bạc, đối tượng Ngô Văn Đ lấy 01 cái mền đặt lên chiếu làm chiếu bạc, 01 cái đĩa và 01 cái chén bằng sứ làm công cụ xóc đĩa; bị cáo T lấy 04 vị làm bằng giấy cứng (quân bài) đã được H chuẩn bị bỏ vào đĩa; bị cáo H lấy 04 lá bài loại bài tây 52 lá gồm: Lá 4 cơ, 4 bích, 3 cơ và 3 bích để làm bảng vị cho người chơi đặt, trong đó lá bài 4 cơ là cửa 4 trắng, lá bài 4 bích là cửa 4 đỏ, lá bài 3 cơ là cửa 3 trắng 01 đỏ và lá bài 3 bích là cửa 03 đỏ 01 trắng. Bị cáo T là người làm cái cửa chắn - lẻ; bị cáo D và bị cáo H hùn tiền làm cái bảng vị. Hình thức chơi xóc đĩa là người làm cái cửa chắn – lẻ dùng 04 vị (quân bài) để vào cái đĩa, lấy cái chén úp lên xóc, đối diện là cái bảng vị. Dựa vào kết quả của 04 vị, người chơi có

thẻ đặt cửa chắn hoặc cửa lẻ; đặt bảng vị có 04 cửa gồm: Cửa 04 trắng, cửa 04 đỏ, cửa 03 trắng 01 đỏ và cửa 03 đỏ 01 trắng. Tỷ lệ thắng thua của cửa chắn và cửa lẻ là đặt 1 thắng 1; ở bảng vị tỷ lệ cửa 04 trắng và cửa 04 đỏ là đặt 1 thắng 10 lần; cửa 03 trắng 01 đỏ và cửa 03 đỏ 01 trắng là đặt 1 thắng 3 lần. Thông thường thì chỉ có nhà cái ăn thua với những người đặt ở tất cả các cửa đặt chắn, lẻ và bảng vị; hoặc có khi nhà cái bán cửa nếu số tiền đặt lớn. Đối với người chơi có thể được đặt tiền ở tất cả các cửa. Các bị cáo T, L, H, E, H, D, N, A và các đối tượng H, B (chưa xác định nhân thân), Đỗ Văn Y đánh nhiều ván xóc đĩa. Trong lúc chơi, bị cáo H điện thoại kêu bị cáo C đi mua thuốc lá mang đến chòi vuông. Sau khi đưa thuốc cho H, C đứng xem xóc đĩa khoảng 10 phút thì đi ra ngoài. Do sợ phát hiện nên bị cáo H dùng điện thoại có số thuê bao 01697070777 nhắn tin vào số thuê bao 0974276494 của bị cáo C với nội dung “*Lấy thùng ngòi ngay đầu cầu đi khi nào buồn ngủ nói với tao kiếm tiền cà phê*”, tức kêu C làm nhiệm vụ cảnh giới cho những người tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 00 giờ 15 phút ngày 15/12/2016, bị cáo T đang làm cái cửa chắn - lẻ, còn bị cáo H, D làm cái bảng vị và những người tham gia đặt gồm: Bị cáo A đặt 100.000 đồng cửa lẻ, bị cáo L đặt 400.000 đồng cửa lẻ, bị cáo H đặt 100.000 đồng cửa lẻ, bị cáo T đặt 200.000 đồng cửa chắn, bị cáo N đặt 300.000 cửa chắn, bị cáo D không tham gia đặt tiền (do trước đó đã thua liên tiếp nhiều ván), H và B đặt cửa chắn hay cửa lẻ chưa xác định được; bị cáo C đang đứng trên cây cầu bắt ngang kênh gần chòi vuông để cảnh giới. Khi ván xóc đĩa kết thúc, vừa tính kết quả thắng thua thì bị Công an vào bắt quả tang.

Có căn cứ xác định số tiền đánh bạc tại ván xóc đĩa bị bắt quả tang gồm: Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 20.700.000 đồng, số tiền thu giữ trên người của các bị cáo đã dùng hoặc sẽ dùng vào việc đánh bạc, cụ thể: Mai Văn T 6.000.000 đồng; Ngô Văn L 4.200.000 đồng; Trần Quốc N 2.200.000 đồng nên tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 33.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Ngô Văn L, Trần Quốc N, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Phạm Văn A và Liêu Minh C phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Mai Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trần Sơn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/3/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản

1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Hoàng D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2016 đến ngày 23/12/2016. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Ngô Văn L 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/3/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Quốc N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2016 đến ngày 27/01/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Văn E 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn A 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt và được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Liêu Minh C 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/8/2017, giao bị cáo Liêu Minh C cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp bị cáo Liêu Minh C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, các bị cáo Ngô Văn L, Nguyễn Văn H kháng cáo, bị cáo L yêu cầu giảm án và hưởng án treo, bị cáo H yêu cầu được hưởng án treo.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, bị cáo Phạm Văn A kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Bùi Hoàng D, Mai Văn T kháng cáo yêu cầu được giảm án; bị cáo Phạm Văn E kháng cáo xin giảm án và hưởng án treo.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, bị cáo Trần Sơn H kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên đơn kháng cáo, riêng bị cáo L rút lại yêu cầu được hưởng án treo. Các bị cáo xác định có tham gia đánh bạc vào ngày

15/12/2016 tại chòi vuông của Ngô Văn Đ thì công an thành phố Bạc Liêu bắt quả tang, các bị cáo yêu cầu xem xét hiện nay gia đình các bị cáo gặp khó khăn, vợ mang thai, phải nuôi con nhỏ, mẹ già để chấp nhận kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn E yêu cầu xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, số tiền bị cáo dùng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo khác nhưng xử phạt 06 tháng tù là nặng, hiện bị cáo đang trực tiếp nuôi con nhỏ, nuôi cha mẹ ruột lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo có đủ điều kiện quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự để được hưởng án treo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo cũng như giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án xác định: Phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, phân tích đơn kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm án, xin hưởng án treo của các bị cáo mà giữ nguyên án sơ thẩm. Án sơ thẩm xác định bị cáo Ngô Văn L đã xóa án tích là không chính xác, bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót, do bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ nên đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Lúc 00 giờ 15 phút ngày 15/12/2016, tại chòi vuông tôm của Ngô Văn Đ thuộc ấp T, xã Đ, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu Công an thành phố L bắt quả tang các bị cáo Mai Văn T, Ngô Văn L, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Ngô Văn Đ, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Trần Quốc N, Phạm Văn L cùng các đối tượng H và B (chưa xác định nhân thân) có hành vi đánh bạc với hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Đối với bị cáo Liêu Minh C đang cảnh giới (cảnh gác) cho mọi người đánh bạc. Quá trình bắt quả tang, Ngô Văn Đ, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Trần Quốc N, Phạm Văn A, H và B chạy thoát. Tổng số tiền các bị cáo dung vào việc đánh bạc là 33.100.000 đồng.

Hành vi đánh bạc nhằm thắng thua bằng tiền do các bị cáo thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn trực tiếp xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, vì cờ bạc nói chung là một tệ nạn xã hội, hành vi đánh bạc không chỉ ăn thua sát phạt nhau, mà còn là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây bất ổn lớn đến tình hình trật tự tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này; việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo là không đảm bảo tính răn đe giáo dục, cải tạo các bị cáo nên Bản án sơ thẩm không cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Như đã phân tích, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo H, A, E, H.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo L, D, T, E; Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm chung về số tiền dùng đánh bạc là 33.100.000 đồng. Khi quyết định hình phạt cho các bị cáo, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trong đơn kháng cáo không phải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tại phiên tòa các bị cáo không cung cấp được chứng cứ giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với án sơ thẩm nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo T, bị cáo D 09 tháng tù, bị cáo L 07 tháng tù, bị cáo T 04 tháng tù cũng như các bị cáo còn lại là nhẹ đối với các bị cáo. Như đã phân tích, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm án của các bị cáo, mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L xác định: Do bị cáo làm ăn xa nên đến tháng 4 năm 2016 bị cáo mới chấp hành hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử thấy rằng, tính đến ngày phạm tội, bị cáo Lục chưa chấp hành xong hình phạt, do đó, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt là không đúng. Do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không thể áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, mà kiến nghị Tòa án Cấp cao xem xét bản án đối với bị cáo L theo trình tự giám đốc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, chưa thu thập đầy đủ căn cứ để tổng hợp hình phạt nên việc tổng hợp hình phạt còn lại của bị cáo L được Chánh án xem xét tổng hợp trong quá trình thi hành án.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Văn T, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Ngô Văn L, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Phạm Văn A và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 74/2017/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố các bị cáo Mai Văn T, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Ngô Văn L, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Phạm Văn A phạm tội “Đánh bạc”.

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Mai Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Sơn H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/3/2017.

2.3 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Hoàng D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2016 đến ngày 23/12/2016.

2.4 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 14/3/2017.

2.5 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn E 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn A 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.6 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2016 đến ngày 27/01/2017.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm b, đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Mai Văn T, Trần Sơn H, Bùi Hoàng D, Ngô Văn L, Nguyễn Văn H, Phạm Văn E, Phạm Văn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- VKSND thành phố L (01b);
- TAND thành phố L (14b);
- CQĐT thành phố L (01b) ;
- Chi cục THA thành phố L (để thi hành) (01b);
- Bị cáo (07b);
- Lưu HS, THS, VP. (03b)

(Đã ký)

Cao Văn Tám